

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn H Vĩnh.

Ông Tô Tiến Quân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Tống Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Bầu B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện Bầu B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tống Thị P trình bày:

Về hôn nhân: bà Tống Thị P chung sống và đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Thanh H tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bến C (nay là huyện Bầu B), tỉnh Bình Dương vào ngày 16-9-2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51, Quyền số 01. Cuối năm 2018, bà P và ông H phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, kinh tế. Nay, bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 13-4-2014. Hiện, cháu Ph đang sinh sống với bà P. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ph. Bà P yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà P không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bị đơn ông H đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: bà P và ông H đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo kết quả xác minh ngày 19 tháng 6 năm 2019 của TAND huyện Bàu Bàng tại Công an xã H, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương thì bị đơn là ông Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại ấp M, xã H, huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn là ông H. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Tổng Thị P và ông Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bến C (nay là huyện Bàu B), tỉnh Bình Dương vào ngày 16-9-2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51,

Quyển số 01 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống cho đến cuối năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, kinh tế và cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở xác định: bà P và ông H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà P yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà P và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 13-4-2014. Khi ly hôn, bà P có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Ph, bà P yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Xét, cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 13-4-2014 hiện do bà P nuôi dưỡng. Bà P có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Ph cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H không trực tiếp nuôi con chung nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ph mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Tống Thị P và ông Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 13-4-2014 cho bà Tống Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 13-4-2014 mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Ph đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

## 2. Về án phí:

Bà Tống Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0021074 ngày 17-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Dũng**